

Bản án số: 41/2021/HS-ST
Ngày 08/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền, bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án ND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 23/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS, ngày 26/5/2021 đối với

- Các bị cáo:

1. Đào Việt L, sinh năm 1994 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đào Văn H, con bà Vũ Thị B; Có vợ là chị Lương Thị L1, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó nghỉ học lao động tự do.

Bị tạm giam từ ngày 11/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

2. Phí Bá N, sinh năm 1996 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Phí Bá L3, con bà Vũ Thị Đ; Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Học hết lớp 9/12, nghỉ học lao động tự do. Năm 2011 bị xử phạt Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị tạm giam từ ngày 11/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

3. Nguyễn Hữu A, sinh năm 1990 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên quản lý quán. Con ông Nguyễn

Hữu T, con bà Phạm Thị N. Bị cáo đang sống chung và có 1 con chung với chị Nguyễn Thị Hoa A1, sinh năm 1988, tại ngõ 508, tổ 13 phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, (thành phố - viết tắt là TP).

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Học hết lớp 12/12 nghỉ học lao động tự do. Từ năm 2016 đến nay làm quản lý quán Karaoke H.

Bị tạm giam từ ngày 11/9/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Duy S, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 177, đường N, tổ 23, phường T, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn M, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn Bắc Lịch Động, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Quang Đ1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số nhà 320, khu 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

3. Chị Vũ Thị Ngọc A2, sinh năm 1995; HKTT: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Chị Đặng Thị N2, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Khu B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

5. Chị Lương Thị Hải B1, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La.

6. Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Số nhà 03, ngõ 508, đường N, tổ 13, phường T, TP T, tỉnh Thái Bình.

7. Anh Lại Quang H1, sinh năm 1997; Trú tại: Số nhà 1A, ngõ 30 đường Quách Hữu Nghiêm, tổ 2, phường Tiên Phong, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Các bị cáo và anh M có mặt, người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

Chiều ngày 08/9/2020 Đào Việt L đang ở trên TP Hà Nội thì Phí Bá N gọi điện thoại rủ tối về Thái Bình đi “bay” (sử dụng ma túy), L đồng ý và bắt xe khách về nhà. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe ô tô (xe thuê) đón L lên TP Thái Bình. Trên xe ngoài N, L còn có Phạm Văn M và Nguyễn Quang Đ1 là bạn của N. L hỏi N có bao nhiêu tiền, N nói có 3 triệu. L nói 3 triệu chỉ đủ tiền phòng, còn tiền ma túy L sẽ đứng ra mua chịu nhưng không nợ được lâu, N đồng ý. L và N dự tính tiền ma túy và tiền thuê phòng hết khoảng 13 đến 14 triệu đồng sẽ chia đều cho ba người N, L và Đ1. Đ1 nghe thấy nhưng không nói gì vì Đ1 không có tiền còn M nói “không chơi”. L bảo M “vậy thì anh đỡ cho em tiền phòng” nhưng M không nói gì, L lại nói “Tỷ có gì cho anh 1 viên kẹo” M

nói “*Tôi có biết chơi đâu*” thì L nói “*vậy tý anh vào nghe nhạc*”. Do đã có lần lên quán Karaoke H hát, biết Nguyễn Hữu A làm quản lý có cho khách sử dụng ma túy trong phòng nên L nhờ N hỏi số điện thoại của A để đặt phòng. N nhắn tin cho anh H2 xin số điện thoại của A. Sau đó L gọi cho A hỏi “*Quán anh đã mở cửa chưa*”. A trả lời “*Quán anh mở cửa rồi, bọn em cứ lên đi, đi lối đằng sau nhé*”. L nói “*Nay bọn em hết khoảng 4 triệu tiền phòng, thì đây có 3 triệu tiền mặt còn thiếu mấy trăm để mai bọn em thanh toán nốt*”. A trả lời “*bọn em thanh toán luôn đi*” L nói “*vậy để bọn em thanh toán hết*”. Khi đến TP Thái Bình, N bảo L gọi 2 nhân viên nữ phục vụ. L lái xe đến phòng trọ của Vũ Thị Ngọc A2 thuê 2 nhân viên nữ là Lương Thị Hải B1 và Đặng Thị N2. L mời Ngọc A2 cùng ra quán H. N, Đ1, Ninh, M, NGỌC A2, B1 đi lối sau lên phòng hát. Lễ tân của quán bố trí cho cả nhóm phòng 203. L điều khiển xe ô tô đi ra khu vực chợ Quang Trung, TP Thái Bình, mua của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ 4 viên ma túy tổng hợp và 2 chỉ Ketamin với giá 9.000.000 đồng mang về quán H lên phòng 203. Lúc này mọi người trong phòng đang hát, L vào ngồi ghế và để túi ma túy trên mặt bàn. Một lúc sau, N đến lấy ma túy chia cho L, Đ1, M và N mỗi người một viên. N sử dụng 1 viên, Đ1 sử dụng 1 viên, M sử dụng 1/2 viên còn 1/2 viên để trên mặt ghế chỗ M ngồi. L không sử dụng mà để viên ma túy trên mặt bàn. Ngọc A2 lấy viên ma túy của L bẻ làm hai, sử dụng 1/2 viên, còn lại 1/2 viên để trên mặt bàn, sau đó Ninh lấy và sử dụng hết. L dùng điện thoại của mình kết nối với loa của phòng Karaoke mở nhạc sàn cho mọi người nhảy. Khoảng 15 phút sau, N đưa 4 túi Ketamin cho L. L đổ 2 túi Ketamin ra đĩa sứ để trên mặt bàn và lấy trong túi của L tờ tiền mệnh giá 2000 đồng, dùng thẻ cứng dằm ma túy rồi bật lửa ga hơi nóng đĩa để xào Ketamin cho mọi người sử dụng, xào xong L để trên mặt bàn thì Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình vào bắt quả tang thu giữ các đồ vật gồm:

- 1 đĩa sứ màu trắng trên mặt đĩa có: Các chất tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu M2; 2 vỏ túi nilon kích thước 2 x 2,5cm có mép cài; 1 thẻ nhựa cứng màu trắng, 1 tờ tiền mệnh giá 2000đ. 2 túi nilon kích thước 2 x 2,5cm có mép cài, bên trong đều có chất tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu M1. - 1 cục chất bột màu hồng, 2 bật lửa ga, 1 điện thoại di động Iphone.

2. Hành vi chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy

Nguyễn Hữu A được chủ quán là ông Bùi Duy S thuê làm quản lý quán Karaoke H từ cuối năm 2016 với mức lương 5.500.000 đồng một tháng. Nhiệm vụ của A là quản lý điều hành bộ phận Karaoke, chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Ban giám đốc Công ty và pháp luật về mọi hoạt động của quán. Ngoài A còn có 2 nhân viên phục vụ, dọn bàn là Bùi Văn T1 và Lại Quang H1. Để biết phòng nào bay lắc thì khách đặt phòng nói rõ với A là thuê phòng để bay lắc hoặc khi nhân viên kiểm đồ thấy trong phòng có các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy như đĩa sứ, vỏ túi đựng ma túy, ống hút sẽ báo lại cho A để tính tiền theo giá 450. Trên máy tính của quầy lễ tân có cài đặt phần mềm tính tiền phòng, có ghi giá phòng gồm giá chuẩn là 300.000 đồng/1 giờ; nếu khách dùng phòng sau 24 giờ thì mức

giá là 450.000 đồng/1 giờ. Tùy theo phòng to hơn thì mức giá từ 550 đến 800.000đ/giờ. Về ma túy thì khách phải tự chuẩn bị. Khoảng 22 giờ ngày 08/9/2020 khi A đang ở phòng trọ thì Lưu Văn H2 nhắn tin cho A hỏi còn phòng không, A điện thoại hỏi T1 là nhân viên trực của quán, T1 nói còn phòng 203, A nói T1 chuẩn bị phòng 203 cho khách rồi báo lại H2. Một lúc sau, L điện thoại cho A hỏi quán đã mở chưa. A trả lời, mở rồi và dẫn đi lối sau nhà nghỉ. L bảo A nay lên chơi hết khoảng 4 triệu tiền phòng nếu thiếu tiền thì cho L nợ, A không đồng ý cho nợ tiền. A biết H2, L thuê phòng để bay lắc vì trước đây có vài lần H2, L đã bay lắc ở quán rồi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, A đến quán thì thấy Cơ quan điều tra đang kiểm tra phòng 203 khách có sử dụng ma túy trong phòng hát. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ và kiểm tra Case máy tính tại phòng lễ tân thấy dữ liệu quản lý có ghi các mức giá: "giá tiêu chuẩn", "giá 450" "giá 550", phù hợp với lời khai của A. Sau đó A không thừa nhận việc đã cho nhóm của L thuê phòng để sử dụng ma túy.

Cáo trạng số 28/CT-VKSTB ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo Đào Việt L và Phí Bá N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Hữu A về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Đào Việt L và Phí Bá N đều khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Quá trình xét hỏi, bị cáo Nguyễn Hữu A thừa nhận biết L thuê phòng để sử dụng ma túy nhưng vì được lợi nên vẫn đồng ý và bảo anh T1 dọn phòng 203 cho L thuê và còn dẫn L *lên phòng thì đi lối sau nhà nghỉ*. Mỗi khi khách đến hát và sử dụng ma túy sẽ có nhân viên nữ phục vụ, khách phải trả 1 triệu đồng/1 ca và A được trích lại 200.000đ, ngoài ra A còn được kinh doanh dịch vụ Sisa tại quán, số tiền lãi thu được A không phải nộp cho Công ty. Do được lợi nên A đã chứa chấp việc sử dụng ma túy và thanh toán tiền phòng theo giá 450 như giá thanh toán cho khách đến lần đầu hoặc hát quá 24 giờ đã được lập trình trong máy tính. A không nói cho ông S biết và ông S không biết gì về việc A làm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình trình bày quan điểm, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử;

Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 255, Điều 50, điểm s khoản 1 điều 51, điều 17, điều 58, điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đào Việt L mức án từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù và Phí Bá N mức án từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, Điều 50, điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A mức án từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo và các dụng cụ sử dụng ma túy, trả lại case máy tính cho ông S, tịch thu các điện thoại đã thu giữ của các bị cáo L, A, N vì liên quan đến việc tổ chức và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Các bị cáo L, N không tranh luận, đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị cáo A xin Hội đồng xét xử xem xét vì bị cáo chỉ đi làm công ăn lương, bị cáo thừa nhận toàn bộ nội dung vụ án, không oan và xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp, giữ nguyên quan điểm đã đề xuất với Hội đồng xét xử.

- Nói lời sau cùng, các bị cáo Đào Việt L, Phí Bá N đều thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được về đoàn tụ với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Hữu A đề nghị Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự . Quá trình điều tra và tại phiên tòa , bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về quá trình tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với:

- Biên bản sự việc lập hồi 23 giờ 10 phút ngày 08/9/2020; Biên bản kiểm tra hiện trường lập hồi 0 giờ 15 ngày 09/9/2020; Các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu thể hiện, các đối tượng sử dụng ma túy gồm: Nguyễn Quang Đ1, Phạm Văn M, Phí Bá N, Đào Việt L, Vũ Thị NGọc A2, Lương Thị Hải B1, Đặng Thị N2. Tang vật thu giữ gồm: 1 đĩa sứ, 2 túi nilon bên trong đều có chất tinh thể màu trắng, 2 vỏ túi nilon, 1 thẻ nhựa, 1 tờ tiền giấy, 2 bật lửa ga, 1 điện thoại di động, 1 cục chất bột màu hồng.

- Bản kết luận giám định số 332/KLGĐMT-PC09 ngày 11/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “Cục chất bột màu hồng là ma túy, loại MDMA. Chất tinh thể màu trắng là ma túy, loại Ketamine.

- Bản kết luận giám định số 333/KLGĐMT-PC09 ngày 11/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “Trong các mẫu nước tiểu thu của Đ1, M, N, L, NGọc A2, Ninh có tìm thấy sản phẩm chuyển hóa của ma túy, loại MDMA.

- Biên bản khai thác dữ liệu điện tử lập hồi 16h 45 ngày 09/9/2020 thể hiện các mức giá phòng gồm: "giá tiêu chuẩn", "giá 450" “ giá 550”; Dữ liệu lưu trữ từ

ngày 01/7/2020 đến ngày 08/9/2020 thể hiện có 47 lần A áp dụng "giá 450" và 9 lần áp dụng giá "550" để thanh toán cho khách.

- Lời khai của những người làm chứng: Anh Phạm Văn M, anh Nguyễn Quang Đ1 chị Vũ Thị NGọc A2, chị Đặng Thị N2 và chị Lương Thị Hải B1 đều khai được N và L rủ đến quán Karaoke H hát và sử dụng ma túy. Anh Bùi Văn T1, anh Lại Quang H1 đều khai, A dặn khi kiểm đồ thấy khách sử dụng đĩa sứ, trên đĩa có chất bột giống mỳ chính, vỏ túi ny lông đựng ma túy, có ống hút, dùng nhiều khăn ướt, phòng có mùi hôi thì báo lại để A tính tiền giá 450.000đ/1 giờ và thu tiền nhân viên nữ trích lại.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Bùi Duy S trình bày: Ông là chủ Công ty, A lao động theo hợp đồng và chịu trách nhiệm toàn bộ trước Ban giám đốc và pháp luật. Công ty cấm không ai được cho khách sử dụng ma túy trong phòng. Mức giá phòng do Công ty ấn định, giá chuẩn là 300.000đ, các giá khác là giá dùng cho khách hát lần đầu và hát quá 24 giờ hoặc tổ chức sinh nhật. Chỉ khi cơ quan điều tra đến làm việc, ông mới biết phòng 203 khách sử dụng ma túy.

Từ những chứng cứ nêu trên, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ kết luận:

Đào Việt L và Phí Bá N đã tổ chức cho Đ1, M, N, L, NGọc A2, Ninh, B1 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 203 quán karaoke H vào đêm ngày 08/9/2020. Hành vi của Đào Việt L và Phí Bá N đã phạm vào tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với tình tiết định khung tăng nặng là tổ chức cho 2 người trở lên và tổ chức cho (Đặng Thị N2 sinh năm 2003) người dưới 18 tuổi sử dụng ma túy, quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

"1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

Hành vi của Nguyễn Hữu A cho các bị cáo N, L và các đối tượng Đ1, M, NGọc A2, Ninh, B1 sử dụng ma túy trong phòng 203 quán Karaoke H thuộc quyền quản lý của A đã phạm vào tội "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*" với tình tiết định khung tăng nặng - đối với 2 người trở lên - quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 256. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

d) Đối với 02 người trở lên;

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Đào Việt L và Phí Bá N đồng phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, vụ án có tính chất giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. N là người khởi xướng rủ rê và đưa ma túy cho các đối tượng sử dụng. L là người bỏ ra số tiền lớn và trực tiếp đi mua ma túy, chế biến cho các đối tượng sử dụng vì vậy vai trò của N và L là ngang nhau.

Các bị cáo đã phạm tội rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, đã xâm hại quyền quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất gây nghiện, làm gia tăng tệ nạn ma túy, ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người, gây mất trật tự trị an tại địa phương và bức xúc trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử mức hình phạt thỏa đáng theo tính chất, mức độ hành vi của mỗi bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện để đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung,

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đào Việt L, Phí Bá N quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ - thành khẩn khai báo, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Hữu A trong quá trình điều tra, truy tố tuy không thừa nhận việc cho người khác sử dụng ma túy tại nơi bị cáo quản lý. Nhưng tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu nên cũng được hưởng tình tiết giảm nhẹ - thành khẩn khai báo, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Nguyễn Hữu A chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy để thu lợi, do vậy cần xử phạt bổ sung hình phạt tiền, song mức thu lợi không lớn nên cần xử dưới mức khởi điểm của khung hình phạt. Các bị cáo N, L tổ chức sử dụng ma túy không thu lợi bất chính, nên không cần thiết phải xử phạt hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng:

Lượng ma túy thu của các bị cáo và các đồ vật: 1 đĩa sứ, 1 thẻ cứng, 2 bát lửa, 2 vỏ túi nilon là dụng cụ để sử dụng ma túy cần tịch thu tiêu hủy.

1 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng và 1 điện thoại Iphone của Đào Việt L, 1 điện thoại Iphone của Phí Bá N, 1 điện thoại Iphone của Nguyễn Hữu A dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào quỹ nhà nước.

1 case máy tính, 1 dây kết nối âm thanh, ông S không nhận lại, cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước, 1.100.000 đồng của Đào Việt L không dùng vào việc phạm tội, cần được trả lại.

[7] Về các vấn đề khác:

L khai mua ma túy của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ tại khu chợ Quang Trung, nên không có căn cứ xác minh, xử lý.

Phạm Văn M, Nguyễn Quang Đ1, Vũ Thị Ngọc A2 và Đặng Thị N2, Bùi Văn T1, Lại Quang H1 có sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính là thỏa đáng.

Ông Bùi Duy S - Giám đốc Công ty H đã giao quyền quản lý quán cho Nguyễn Hữu A, ông S không biết việc A cho khách sử dụng ma túy tại phòng hát nên không bị xử lý. Ông S không tạm dừng kinh doanh để phòng dịch, Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Đào Việt L, Phí Bá N phạm tội: “ *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Bị cáo Nguyễn Hữu A phạm tội “ *Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”

2. Hình phạt: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 50, điểm s khoản 1 điều 51, điều 17, điều 58, điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Việt L 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2020.

Xử phạt bị cáo Phí Bá N 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2020.

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 256, Điều 50, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38, Điều 35 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2020; Phạt bị cáo A 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại chứa trong 3 phong bì ghi hoàn trả mẫu vật giám định; 1 đĩa sứ, 1 thẻ cứng, 2 bật lửa ga, 2 vỏ túi nilon,

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 1 case máy tính, 1 dây kết nối âm thanh của ông Bùi Duy S do ông S không nhận lại.

Tịch thu 1 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, 1 điện thoại Iphone của Đào Việt L, 1 điện thoại Iphone của Phí Bá N, 1 điện thoại Iphone của Nguyễn Hữu A sung vào quỹ nhà nước.

Trả lại Đào Việt L 1.100.000 đồng (*một triệu một trăm ngàn đồng*).

(Các đồ vật, tài sản nêu trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 22/4/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Mỗi bị cáo Đào Việt L, Phí Bá N, Nguyễn Hữu A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/7/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- CA tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Toàn Nghĩa